

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29.9.2022
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng

Ông Trịnh Hồng Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Thanh Khê.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân quận Thanh Khê mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 17.5.2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29.8.2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2022/QĐST-HGND ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L sinh năm: 1978; Địa chỉ: K382/26H1 đường H, phường V, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng - Có mặt

* *Bị đơn:* Ông Huỳnh Quang Thanh Q, sinh năm 1981; Địa chỉ: K382/26H1 đường H, phường V, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Tại đơn khởi kiện, quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Huỳnh Quang Thanh Q xây dựng gia đình vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc vui vẻ nhưng thời gian sau này bất đồng quan điểm hay cãi vã không còn quan tâm nhau nữa. Nay bà L thấy vợ chồng tình cảm không còn nên yêu cầu giải quyết cho bà ly hôn với ông Huỳnh Quang Thanh Q.

- *Về con chung:* Bà L xác định, bà và ông Huỳnh Quang Thanh Q có 01 con chung là Huỳnh Quang Thanh P sinh ngày 22/8/2004 đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là ông Huỳnh Quang Thanh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà L ly hôn với ông Q.

- Về quan hệ con chung: Bà L xác định, bà và ông Huỳnh Quang Thanh Q có 01 con chung là Huỳnh Quang Thanh P sinh ngày 22/8/2004 đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện về “Ly hôn” đối với bị đơn là ông Huỳnh Quang Thanh Q có địa chỉ cư trú tại số nhà K382/26H1 đường H, phường V, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung:**

[1] Quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn đối với ông Huỳnh Quang Thanh Q của bà Nguyễn Thị L thì thấy: Bà Nguyễn Thị L và ông Huỳnh Quang Thanh Q đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và kéo dài trầm trọng như trình bày của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với cung cấp của chính quyền địa phương. Do vậy HĐXX nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L với ông Huỳnh Quang Thanh Q.

[2] Quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà L xác định, bà và ông Huỳnh Quang Thanh Q có 01 con chung là Huỳnh Quang Thanh P sinh ngày 22/8/2004 đã trưởng thành nên không đề cập.

3] Quan hệ tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; còn bị đơn không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị L đối với ông Huỳnh Quang Thanh Q.

Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Quang Thanh Q.

2. Về quan hệ con chung: Bà L xác định, bà và ông Huỳnh Quang Thanh Q có 01 con chung là Huỳnh Quang Thanh P sinh ngày 22/8/2004 đã trưởng thành nên không đề cập.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 300.00đ theo Biên lai thu số 002729 ngày 17.5.2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị á được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Quang Thanh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường Xuân Hà
(Giấy CNKH số: 129 ngày 15/8/2003);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hậu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường Xuân Hà

(Giấy CNKH số: 129 ngày 15/8/2003);

- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hậu

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hậu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa